

BÁO CÁO

Kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm 2025 trên địa bàn huyện Nghĩa Hành

Theo Công văn số 646/BDTTG-VP ngày 21/5/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc báo cáo kết quả công tác dân tộc, tôn giáo 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2025; Công văn số 570/SDTTG-VP của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh về việc báo cáo kết quả công tác dân tộc, tôn giáo 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2025, Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hành báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Trong những năm qua, huyện luôn quan tâm, đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với công tác xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao, tổ chức thực hiện tốt các chính sách dân tộc và quản lý nhà nước về công tác dân tộc; đời sống của đồng bào vùng dân tộc, miền núi ngày càng được nâng cao; các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao ngày càng phát triển; tình hình an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định, đồng bào vùng dân tộc, miền núi luôn chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hăng hái tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo bền vững.

2. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác dân tộc

UBND huyện chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, UBND các xã, căn cứ các văn bản chỉ đạo hướng dẫn cấp trên và các văn bản quy định hiện hành của nhà nước, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định, thành lập đoàn kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Chương trình, dự án theo quy định hiện hành. Các chương trình dự án sau khi hoàn thành đã bàn giao cụ thể cho các xã, thôn được thụ hưởng trực tiếp quản lý, vận hành. Nhân dân trong vùng hưởng lợi có trách nhiệm tổ chức duy tu, sửa chữa nhỏ đảm bảo phát huy hiệu quả đầu tư bền vững.

UBND huyện chỉ đạo, quán triệt và ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh và Ban Dân tộc tỉnh về công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn.

Chỉ đạo cho phòng, ban chuyên môn cụ thể hóa các văn bản của cấp trên về công tác dân tộc, công tác phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chỉ đạo các chính sách dân tộc.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện

Thực hiện công tác về quản lý nhà nước về công tác dân tộc, cụ thể: Chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện (là đơn vị phụ trách, theo dõi công tác dân tộc trên địa bàn huyện) phối hợp với các xã có đồng bào DTTS sinh sống tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách dân tộc.; đồng thời kiểm tra, đôn đốc các chính sách triển khai, thực hiện trong năm; Tổ chức thăm hỏi, động viên người có uy tín bị đau ốm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán,...; chủ động nắm bắt tình hình thực hiện các chính sách dân tộc của các xã; thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện các chính sách dân tộc của tỉnh giao.

II. TÌNH HÌNH VÙNG DTTS&MN 6 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Về sản xuất, đời sống

Tình hình sản xuất và đời sống nhân dân nói chung, đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng trên địa bàn huyện cơ bản ổn định. Các cấp, các ngành luôn quan tâm, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS lao động, sản xuất, kinh doanh; đặc biệt có nhiều hoạt động chăm lo, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS đón Tết Nguyên đán và Tết truyền thống của đồng bào DTTS trên tinh thần vui tươi, đầm ấm, an toàn, tiết kiệm. Các chế độ chính sách hỗ trợ cho các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên đán được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng. Các chương trình, chính sách, nhất là chính sách an sinh xã hội được quan tâm triển khai thực hiện tốt, tạo sự phấn khởi cho đồng bào DTTS.

2. Về văn hóa

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao nhân dịp Tết Nguyên đán và các ngày lễ, sự kiện trong năm được quan tâm tổ chức, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của người dân. Các lễ hội theo phong tục tập quán của đồng bào DTTS được tổ chức đúng theo nghi thức truyền thống, tuân thủ theo quy định pháp luật. Bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của đồng bào DTTS được giữ gìn và phát huy. Các di tích văn hóa, lịch sử được quan tâm bảo tồn.

3. Về giáo dục

Công tác giáo dục và đào tạo được triển khai thực hiện tốt, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá một cách sáng tạo, thiết thực, hiệu quả.

4. Về y tế

Hoạt động y tế trên địa bàn huyện nói chung, vùng đồng bào DTTS nói riêng không ngừng được tăng cường, củng cố và phát triển, đáp ứng nhu cầu khám và điều trị bệnh cho nhân dân.

5. Về an ninh trật tự

Tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào DTTS trong 6 tháng đầu năm 2025 tiếp tục được duy trì ổn định, đồng bào DTTS chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, không xảy ra điểm nóng; các cấp chính quyền tăng cường công tác nắm tình hình, quản lý địa

bàn, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp đấu tranh phòng chống có hiệu quả các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, bảo vệ an toàn cho các sự kiện chính trị trên địa bàn huyện.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Kết quả thực hiện chương trình, dự án về chính sách dân tộc

a) Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 6 tháng đầu năm 2025:

- Về thực hiện Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện chế độ chính sách theo quy định: Cấp không thu tiền 02 ấn phẩm: Báo Dân tộc và Phát triển cuối tháng (01 tờ/người/kỳ) và Báo Quảng Ngãi (01 tờ/người/kỳ) cho người có uy tín. Thăm hỏi hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần người có uy tín nhân dịp Tết Nguyên đán. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng người có uy tín theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : 01 người.

- Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025

UBND huyện chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện, UBND các xã có đối tượng thụ hưởng, cử cán bộ theo dõi, kiểm tra, giám sát việc giao nhận và cấp phát các mặt hàng theo đúng kế hoạch. Kết quả thực hiện cấp cho 342 hộ, 1.289 khẩu; với tổng kinh phí: 61.560.000 đồng, việc cấp phát được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng và hoàn thành vào ngày 24/01/2025.

- Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 6 tháng đầu năm 2025 do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo.

* Phân bổ vốn sự nghiệp năm 2025 cho xã Hành Tín Tây 1.058 triệu đồng; thực hiện các nội dung thuộc Chương trình:

+ Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: Triển khai thực hiện đầu tư xây dựng mới 03 nhà ở cho thôn Trũng kè I và Trũng kè 2;

+ Tiểu dự án 2 của Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN: mua 13 con bò giống sinh sản cấp cho 13 hộ của 2 thôn Trũng kè 1 và Trũng kè 2;

+ Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc: Sửa chữa tuyến đường xóm mới khu dân cư thôn Trũng kè 1;

+ Tiểu Dự án 3 của Dự án 5: Phát triển giáo dục nghề nghiệp và quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN: Mở lớp tập huấn tư vấn, giới thiệu việc làm cho

thanh niên và người lao động ở 2 thôn Trũng kè 1 và Trũng kè 2. số người tham gia : 120 người;

+ Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: Chi tiền hỗ trợ các gói sinh đẻ cho phụ nữ sinh con ở 2 thôn Trũng kè 1 và Trũng kè 2 ;

+ Tiểu Dự án 2 của Dự án 9: Mở các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cho thanh thiếu niên, học sinh và người dân trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

+ Dự án 10: Truyền thông tuyên truyền vận động trong vùng ĐB DTTS: Mở 01 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người có uy tín và cán bộ 2 thôn Trũng kè 1 và Trũng kè 2 có 50 người tham gia.

(Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 6 tháng đầu năm 2025 theo Phụ biểu số III-01; Mẫu Phụ biểu số III-02 đính kèm).

b) Đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc không thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 6 tháng đầu năm 2025:

Theo Phụ biểu số III-03 đính kèm.

2. Đánh giá kết quả thực hiện một số chương trình, chính sách khác do các bộ, ngành khác quản lý, chỉ đạo

- Kết quả thực hiện một số chương trình, chính sách thực hiện tại vùng DTTS&MN, tác động trực tiếp đến đồng bào DTTS&MN, như: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; các chính sách về y tế, văn hóa, giáo dục, dạy nghề...

- Lập Biểu tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện một số chương trình, chính sách thực hiện tại vùng DTTS&MN, tác động trực tiếp đến đồng bào DTTS&MN theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số III-04).

3. Đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc đặc thù của địa phương

- Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc đặc thù của địa phương, do địa phương ban hành.

- Đánh giá ưu, nhược điểm của các chính sách và đề xuất, nghiên cứu, xây dựng đề án, chính sách mới...

- Lập Biểu tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện các chính sách dân tộc đặc thù của địa phương theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số III-05).

4. Đánh giá chung

4.1. Về thuận lợi

Trong 6 tháng đầu năm 2025, được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện các chương

trình, chính sách dân tộc đã đem lại ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội; đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện phát triển ổn định; công tác giảm nghèo được quan tâm đầu tư có hiệu quả, chính sách an sinh xã hội được triển khai kịp thời; cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân trong vùng ngày càng tốt hơn, hệ thống tưới tiêu phục vụ cho sản xuất ngày càng hoàn chỉnh; bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc được giữ gìn, bảo tồn và phát huy.

4.2. Về khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

- Do ảnh hưởng tác động của thời tiết, hạn hán ngày càng gay gắt, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cuộc sống của người dân.

- Do trình độ dân trí vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn hạn chế, một số hộ còn tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự đầu tư của nhà nước; vẫn còn tình trạng học sinh mang tâm lý muốn bỏ học.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg; được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Tập trung chỉ đạo và đôn đốc đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các chương trình, chính sách, dự án theo kế hoạch đã phê duyệt.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vận động đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao nhận thức về các Chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước; tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số chủ động trong việc tham gia vào các chương trình, chính sách trên địa bàn.

4. Tăng cường công tác giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể trong việc triển khai, thực hiện các chương trình, dự án, chính sách trên địa bàn huyện.

6. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra việc triển khai, thực hiện các chương trình, dự án, chính sách trên địa bàn huyện, kịp thời phát hiện những khó khăn vướng mắc để có biện pháp tháo gỡ, góp phần thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2025.

7. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong việc vận động người dân thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trong việc sản xuất xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025. UBND huyện Nghĩa Hành báo cáo Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh;
- CT, PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2025

**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030**

*(Kèm theo Báo cáo số: 176/BC-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của UBND
huyện Nghĩa Hành)*

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Tổng số xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	xã	0	
1.1	Số xã khu vực III	xã		
1.2	Số xã khu vực II	xã		
1.3	Số xã khu vực I	xã		
2	Số thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS&MN	thôn	05	
3	Thu nhập bình quân đầu người của người DTTS	Triệu đồng/ người/tháng	1,8	
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS	%	0,13	
5	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông	%	100	
6	Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa	%	100	
7	Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố	%	100	
8	Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố	%	100	
9	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp	%	100	
10	Tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	100	
11	Tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình	%	91,2	
12	Tỷ lệ đồng bào DTTS được nghe đài phát thanh	%	100	
13	Tỷ lệ hộ di cư không theo quy hoạch được sắp xếp, bố trí ổn định	%	0	
14	Tỷ lệ hộ DTTS đang cư trú tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét sạt lở được qui hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí	%	0	
15	Tỷ lệ hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBK, thôn ĐBK không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề	%	0	
16	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề	%	36,23	
17	Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường	%	100	

18	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường	%	100	
19	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường	%	100	
20	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường	%	100	
21	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông	%	85,08	
22	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng	%	100	
23	Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng	%	50	
24	Tỷ lệ đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế	%	100	
25	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS ở các cấp từng địa phương	%	1,66	
26	Số hộ được giải quyết đất ở	Hộ	0	
27	Số hộ được giải quyết nhà ở	Hộ	03	
28	Số hộ được hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất	Hộ	0	
29	Số hộ không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ giải quyết sinh kế, chuyển đổi nghề	Hộ	0	
30	Số hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt	Hộ	0	
31	Số công trình nước sinh hoạt tập trung được xây dựng	Công trình	07	
32	Số hộ được sắp xếp, ổn định dân cư	Hộ	0	
33	Tỷ lệ trạm y tế xã vùng DTTS&MN đủ điều kiện khám chữa bệnh BHYT	%	100	
34	Số người có uy tín trong đồng bào DTTS	Người	05	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH**

**PHỤ BIỂU SỐ III-02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH
VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số: 176/BC-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của UBND
huyện Nghĩa Hành)

DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Hỗ trợ đất ở		0	
1.1	Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh được hỗ trợ đất ở	Hộ	0	
2	Hỗ trợ nhà ở		03	
2.1	Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh được hỗ trợ nhà ở	Hộ	03	
3	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề		0	
3.1	Tổng số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hộ	0	
	Trong đó:			
	3.1.1. Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh không có đất sản xuất được hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất	Hộ		
	3.1.2. Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hộ		
3.2	Tỷ lệ hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề	%		
4	Hỗ trợ nước sinh hoạt		07	
4.1	Tổng số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh được hỗ trợ nước sinh hoạt	Hộ	0	
	Trong đó:			
	4.1.1. Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	Hộ		
	4.1.2. Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh được thụ hưởng công trình nước sinh hoạt tập trung	Hộ		
4.2	Số lượng công trình nước sinh hoạt tập trung được đầu tư	Công trình	07	

DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tập trung		0	
1.1	Số hộ dân được bố trí trong các dự án sắp xếp,	Hộ		

	ổn định dân cư tập trung			
2	Hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ		0	
2.1	Số hộ dân được bố trí trong các dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ	Hộ		
3	Hỗ trợ phương án cộng đồng bố trí dân xen ghép		0	
3.1	Số hộ dân được bố trí trong phương án di dân xen ghép và được cộng đồng tiếp nhận xen ghép	Hộ		
4	Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình (hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư)		0	
4.1	Tổng số hộ được bố trí, sắp xếp ổn định dân cư	Hộ		
	Trong đó:			
	4.1.1. Số hộ dân <u>di cư tự do</u> được bố trí, sắp xếp ổn định	Hộ		
	4.1.2. Số hộ DTTS còn <u>du canh, du cư</u> được bố trí định canh, định cư	Hộ		
	4.1.3. Số hộ <u>vùng biên giới</u> được bố trí sắp xếp ổn định dân cư	Hộ		
	4.1.4. Số hộ vùng <u>đặc biệt khó khăn</u> và khu vực cần thiết khác được bố trí, sắp xếp ổn định dân cư	Hộ		
4.2	Tỷ lệ hộ di cư không theo quy hoạch được sắp xếp, bố trí ổn định	%		
4.3	Tỷ lệ hộ DTTS đang cư trú tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí	%		

DỰ ÁN 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình	Ha	0	
2	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho BQL rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế; diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã trực tiếp quản lý	Ha	0	
3	Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung	Ha	0	
4	Hỗ trợ hồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình	Ha	0	
5	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, sây lâm sản ngoài gỗ đối với diện tích đất	Ha	0	

	được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình			
6	Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào DTTS tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển LSNG, trồng rừng phòng hộ	Kg	0	
6.1	Tổng khối lượng gạo trợ cấp	Kg	0	
6.2	Số hộ gia đình nghèo, hộ gia đình DTTS được nhận trợ cấp gạo	Hộ	0	
7	Hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	Dự án	0	
8	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế (đối với các địa phương không có điều kiện thực hiện PTSX theo chuỗi giá trị)	Dự án	0	
9	Số lượng dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý được đề xuất và phê duyệt hỗ trợ theo tiêu chí của Chương trình (sử dụng tối thiểu 50% lao động là người DTTS)	Dự án	0	
10	Diện tích môi trường rừng được địa phương hỗ trợ, bố trí, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê để triển khai dự án	Ha	0	
11	Diện tích đất được cải tạo, hỗ trợ để phát triển vùng trồng dược liệu quý	Ha	0	
12	Số lượng Doanh nghiệp tham gia thực hiện Dự án phát triển dược liệu quý (theo chuỗi giá trị)	Doanh nghiệp	0	
13	Số lượng lao động được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc trong các dự án phát triển dược liệu quý	Người	0	
14	Số lượng lao động được doanh nghiệp trực tiếp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về nuôi trồng, chế biến, bảo quản cây thuốc dược liệu	Người	0	
15	Số lượng hợp tác xã, tổ hợp tác vệ tinh được hỗ trợ phát triển và tham gia liên kết trong Dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý theo chuỗi giá trị	HTX/Tổ hợp tác	0	
16	Số lượng hộ gia đình tham gia liên kết, hợp tác với dự án hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo chuỗi giá trị	Hộ	0	
17	Hỗ trợ các dự án, mô hình chăn nuôi	Dự án	02	
18	Hỗ trợ các dự án, mô hình trồng trọt	Dự án	0	

DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã đặc biệt khó khăn khu vực III, thôn bản ĐBKK		04	
1.1	Số lượng Công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh được đầu tư	Công trình	02	
1.2	Số km đường giao thông nông thôn được đầu	Km	0,82	

	tư nhựa hóa, bê tông hóa, hoặc cứng hóa			
1.3	Số lượng Công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản được đầu tư	Công trình	0	
1.4	Số lượng Trạm chuyên tiếp phát thanh xã được đầu tư	Trạm	0	
1.5	Số lượng Nhà sinh hoạt cộng đồng được đầu tư	Nhà	02	
1.6	Số lượng Trạm y tế xã đạt chuẩn được đầu tư	Trạm	0	
1.7	Số lượng công trình Trường, lớp học đạt chuẩn được đầu tư	Công trình	0	
1.8	Số lượng công trình Thủy lợi nhỏ được cải tạo, xây mới	Công trình	0	
1.9	Số lượng công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất được đầu tư	Công trình	0	
1.10	Số lượng, Tỷ lệ dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù (có sự đóng góp, tham gia thực hiện của cộng đồng người dân)	Công trình, %	0	
2	Đầu tư CSHT trọng điểm kết nối các xã ĐBKK trên cùng địa bàn (hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế, hệ thống cầu, đường giao thông; hạ tầng lưới điện...); xây dựng cầu dân sinh nhằm tăng cường kết nối, tạo trực động lực phát triển đồng bộ		0	
2.1	Số lượng dự án đầu tư CSHT trọng điểm (hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế, hệ thống cầu, đường giao thông; hạ tầng lưới điện, hạ tầng khác):	Dự án	0	
3	Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn ĐBKK		0	
3.1	Số lượng công trình CSHT trên địa bàn ĐBKK được duy tu, bảo dưỡng bằng nguồn vốn của Chương trình	Công trình	0	
4	Số lượng chợ vùng DTTS&MN được đầu tư xây mới	Chợ	0	
5	Số lượng chợ vùng DTTS&MN được đầu tư cải tạo, nâng cấp	Chợ	0	
6	Đầu tư xây dựng các công trình phục vụ học tập, sinh hoạt cho giáo viên và học sinh	Công trình	0	

DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Số lượng trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh được đầu tư bằng nguồn vốn của CTMTQG	Trường	0	
2	Số lượng lớp học xóa mù chữ được tổ chức	Lớp	0	
3	Số người được bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Người	0	
4	Số người được bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	Người	0	
5	Số người được đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học	Người	0	
6	Số lượng các mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề được thực hiện	Mô hình	0	

7	Số người được hỗ trợ đào tạo nghề	Người	120	
---	-----------------------------------	-------	-----	--

DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Số lượng dự án, mô hình khôi phục, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tiêu biểu của các DTTS có số dân ít người được triển khai thực hiện	Dự án, mô hình	0	
2	Số lượng các di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số được kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa	Di sản văn hóa	0	
3	Số lượng lễ hội truyền thống của các DTTS được khôi phục, phục dựng bảo tồn trước nguy cơ mai một	Lễ hội	0	
4	Số lượng mô hình bảo vệ và phát huy văn hóa truyền thống các DTTS được xây dựng	Mô hình	0	
5	Số người DTTS tham gia hoạt động CLB sinh hoạt văn hóa dân gian	Người	0	
6	Số lượng thôn vùng đồng bào DTTS&MN có đội văn nghệ truyền thống được hỗ trợ hoạt động	Thôn	0	
7	Số lượng người DTTS tham gia Đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Người	0	
8	Số lượng, Tỷ lệ thôn vùng đồng bào DTTS&MN có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng	Thôn, %	0	
9	Số lượng người lao động DTTS hoạt động trong lĩnh vực du lịch được đào tạo kiến thức kỹ năng (tại các điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS&MN được hỗ trợ đầu tư)	Người	0	
10	Số lượng (cuộc) ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS được tổ chức	Cuộc	0	
11	Số lượng (cuộc) ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS	Cuộc	0	

DỰ ÁN 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Số lượng Trung tâm y tế huyện vùng miền núi (trong số huyện nghèo) được đầu tư	Trung tâm	0	
2	Số lượng bác sĩ chuyên khoa II, chuyên khoa I được đào tạo cho huyện nghèo, huyện cận nghèo	Bác sĩ	0	
3	Số lượng, Tỷ lệ trạm y tế xã đủ điều kiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế	Trạm y tế, %	0	
4	Số lượng túi truyền thông được bổ sung cho các trạm y tế xã và nhân viên y tế thôn bản	Túi truyền thông	0	

5	Số lượng cán bộ trạm y tế xã được đào tạo CSSKBD theo nguyên lý y học gia đình	Người	0	
6	Số lượng, Tỷ lệ thôn, bản vùng DTTS&MN có cô đỡ thôn bản hoạt động	Thôn, %	0	
7	Số lượng, Tỷ lệ thôn bản vùng DTTS&MN có y tế thôn bản hoạt động	Thôn, %	0	
8	Tỷ lệ bao phủ tiêm chủng tại các xã khu vực DTTS&MN	%	0	

DỰ ÁN 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em	Lượt người	0	
2	Số lượng cuộc đối thoại chính sách được tổ chức ở cấp xã và cụm thôn bản ĐBKK	Cuộc	0	
3	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ DTTS tham gia vào các cuộc đối thoại chính sách được tổ chức ở cấp xã và cụm thôn bản ĐBKK	Người, %	0	
4	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ tham gia trong các cuộc họp dân, tiếp xúc cử tri của đại biểu dân cử tại địa bàn	Người, %	0	
5	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ tham gia các hoạt động giám sát xã hội: giám sát các hoạt động theo chủ đề/vấn đề do tổ chức Hội LHPNVN đề xuất, chủ trì hoặc phối hợp thực hiện	Người, %	0	
6	Số lượng lớp tập huấn về thu thập thông tin cho hệ thống GS&ĐG về bình đẳng giới cho cán bộ cấp xã và thôn bản	Lớp	0	
7	Số lượng lớp tập huấn cho cán bộ cấp tỉnh và cấp huyện về tổng hợp và phân tích thông tin về GS&ĐG giới	Lớp	0	
8	Chương trình 1 phát triển năng lực lồng ghép giới cho cán bộ cấp tỉnh, huyện được xây dựng và được số hóa	Chương trình	0	
9	Chương trình 2 phát triển năng lực lồng ghép giới cho cán bộ cấp xã dành được xây dựng và được số hóa:	Chương trình	0	
10	Chương trình 3 phát triển năng lực thúc đẩy bình đẳng giới trong cộng đồng được xây dựng và được số hóa	Chương trình	0	
11	Số lượng các khóa học trực tuyến về phát triển năng lực lồng ghép giới cho cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã và cộng đồng trên website của TƯ Hội Liên hiệp phụ nữ VN	Khóa học	0	
12	Số lượng lớp tập huấn Chương trình 1 cho 53 tỉnh	Lớp	0	
13	Số lượng lớp tập huấn Chương trình 2 cho cán bộ cấp huyện và xã	Lớp	0	
14	Số lượng lớp tập huấn Chương trình 3 trong	Lớp	0	

	cộng đồng			
15	Số lượng cán bộ tham gia hoạt động tập huấn về LGG ở các cấp (tỉnh, huyện, xã)	Người	0	

DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù			
1.1	Số lượng, Tỷ lệ thôn tập trung đồng bào DTTS có khó khăn đặc thù có đủ các hạng mục được đầu tư đồng bộ	Thôn, %		
1.2	Số lượng công trình đường giao thông được đầu tư mở mới, nâng cấp, sửa chữa bảo đảm cứng hóa	Công trình		
1.3	Số km đường giao thông được đầu tư mở mới, nâng cấp, sửa chữa bảo đảm cứng hóa	Km		
1.4	Số lượng công trình điện sản xuất, sinh hoạt được đầu tư các trạm biến áp và kéo dây đến các hộ dân	Công trình		
1.5	Số lượng công trình thủy lợi nhỏ được đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp	Công trình		
1.6	Số lượng nhà sinh hoạt cộng đồng được xây dựng, sửa chữa, nâng cấp	Công trình		
1.7	Số công trình kiên cố hóa các lớp học, sân chơi cho trẻ mẫu giáo, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở bán trú, bếp ăn cho học sinh và các công trình phụ trợ khác được đầu tư xây dựng	Công trình		
1.8	Số lượng hộ DTTS có khó khăn đặc thù được hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế	Hộ		
1.9	Tỷ lệ hộ DTTS có khó khăn đặc thù được hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế	%		
1.10	Số lượng, Tỷ lệ các thôn, bản tập trung các DTTS có khó khăn đặc thù được hỗ trợ thực hiện hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS có khó khăn đặc thù	Thôn, %		
2	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			
2.1	Số lượng người dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù được tập huấn về pháp luật hôn nhân và gia đình, được tuyên truyền, vận động ngăn ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	Lượt người	160	
2.2	Số lượng, Tỷ lệ cơ sở y tế cơ sở (TTYT huyện, Trạm y tế xã) triển khai mô hình tư vấn tiền hôn nhân, lồng ghép tuyên truyền vận động các em ở lứa tuổi vị thành niên hiểu về SKSS và không kết hôn sớm, không kết hôn cận huyết	Cơ sở y tế, %		

	thống			
2.3	Số lượng, Tỷ lệ thanh niên DTTS được tư vấn tiền hôn nhân về tác hại và ngăn ngừa tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống	Lượt người, %	80	
2.4	Số lượng mô hình ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống được triển khai tại các huyện/xã/trường học	Mô hình		
2.5	Số lượt người DTTS được tuyên truyền, vận động ngăn ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống thông qua các mô hình	Lượt người		
2.6	Số lượng, Tỷ lệ cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ cấp xã được tập huấn NCNL, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	Lượt người, %		
2.7	Số lượng người tảo hôn/năm	Người		
2.8	Mức giảm tỷ lệ số cặp tảo hôn đối với các địa bàn, DTTS có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao:	%		
2.9	Số lượng người hôn nhân cận huyết thống/năm	Người		
2.10	Mức giảm tỷ lệ số cặp kết hôn cận huyết thống đối với các địa bàn, DTTS có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao	%		

DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia			
1.1	Số lượng người có uy tín được thụ hưởng chế độ, chính sách	Người		
1.2	Số lượng người có uy tín và lực lượng cốt cán tham gia các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp	Lượt người		
1.3	Số lượng gương điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS&MN được tuyên truyền, biểu dương, tôn vinh, vinh danh	Gương điển hình		
1.4	Số lượng các hoạt động (tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi, nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, CLB tuyên truyền pháp luật) nhằm phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện	Hoạt động		
1.5	Số lượng ấn phẩm, tài liệu (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác) bằng chữ phổ thông hoặc song ngữ chữ phổ thông và chữ dân tộc	Ấn phẩm tài liệu		

	thiếu số được biên soạn và phát hành			
1.6	Số lượng ấn phẩm báo, tạp chí cấp định kỳ ở vùng đồng bào DTTS&MN	Ấn phẩm	02	
1.7	Tổ chức lớp Tập huấn kiến thức, nghiệp vụ về thông tin đối ngoại cho cán chủ chốt làm công tác dân tộc	Lớp		
1.8	Số lượng cán bộ chủ chốt (từ cấp huyện trở lên) làm công tác dân tộc tham gia lớp tập huấn về thông tin đối ngoại	Người		
1.9	Số lớp tập huấn điểm được thực hiện: về kỹ năng thực hiện, tiếp cận trợ giúp pháp lý cho người DTTS	Lớp tập huấn	01	
1.10	Số lượng chương trình về trợ giúp pháp lý cho người DTTS được thực hiện và phủ sóng các tỉnh vùng DTTS&MN	Chương trình		
2	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			
2.1	Số lượng, Tỷ lệ xã khu vực III được thiết lập hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin: máy tính phục vụ truy cập internet, máy photo,...	Xã, %		
2.2	Số lượng cán bộ trong hệ thống chính trị ở cơ sở (cấp xã) được hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin	Người		
2.3	Hệ thống thông tin kết nối giữa UBND với các tỉnh, thành phố vùng DTTS được xây dựng và hoàn thiện	Hệ thống		
2.4	Số lượng, Tỷ lệ xã triển khai ứng dụng chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình	Xã, %		
2.5	Số lượng, Tỷ lệ huyện triển khai ứng dụng chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình	Huyện, %		
2.6	Số lượng, Tỷ lệ xã khu vực III được đầu tư xây dựng “Hệ thống thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về pháp luật và công tác dân tộc cho đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ 4.0”	Xã, %		
2.7	Số lượng, Tỷ lệ xã an toàn khu thuộc khu vực I và khu vực II được đầu tư xây dựng “Hệ thống thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về pháp luật và công tác dân tộc cho đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ 4.0”	Xã, %		
2.8	Hệ thống thông tin chợ trực tuyến được xây dựng nhằm thúc đẩy phát triển thương mại điện tử vùng đồng bào DTTS	Hệ thống		
2.9	Số lượng cá nhân, tổ chức hoạt động ở vùng DTTS&MN đăng ký tham gia cung cấp thông tin và giao dịch trên Chợ trực tuyến	Cá nhân, tổ chức		
2.10	Số lượng, tỷ lệ cá nhân, tổ chức do người DTTS làm chủ/ đồng làm chủ đăng ký tham	Cá nhân, tổ chức, %		

gia cung cấp thông tin và giao dịch trên Chợ trực tuyến			
--	--	--	--

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN
TỘC KHÔNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH
VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

*(Kèm theo Báo cáo số: 176/BC-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của UBND
huyện Nghĩa Hành)*

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH	Đơn vị tính	Khối lượng	Tổng kinh phí (Tr.đ)	Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)				Vốn giải ngân (Tr.đ)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
					NSTU	NSDP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lòng ghép, vốn khác			
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			1.078,9	980,8	98,1			0	0	
2	Chương trình MTQG xây dựng NTM			3.774,8	2.274,8	500			3.647,37	11	
CỘNG				3.492,6	2.472,8	519,8			3.647,37	11	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN
TỘC THỰC HIỆN TẠI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN, TÁC ĐỘNG
TRỰC TIẾP ĐẾN ĐỒNG BÀO DTTS 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số: 176/BC-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của UBND
huyện Nghĩa Hành)

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị tính	Khối lượng	Tổng kinh phí (Tr.đ)	Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)				Vốn giải ngân (Tr.đ)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
					NSTU	NSDP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lồng ghép, vốn khác			
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12
1	Chính sách cấp không thu tiền các mặt hàng thiết yếu Tết Nguyên đán Ất Ty năm 2025			61,56		61,56			61,56		
CỘNG				61,56		61,56			61,56		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Kèm theo Báo cáo số: 176/BC-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Nghĩa Hành)

[illegible]